

Số: 139/QĐ-ĐHVHHN

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2023
của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 3653/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHVHHN ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-ĐHVHHN ngày 16/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2023;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo, QLKH & HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2023 của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội;

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, QLKH và HTQT và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu VT, ĐT, QLKH&HTQT, TS, H.8

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thu Hương

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 139 /QĐ-ĐHVHHN ngày 01 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Văn hoá Hà Nội
- Mã trường:** VHH
- Địa chỉ:** Số 418 Đường La Thành, P. Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** www.huc.edu.vn
- Địa chỉ trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):**
 - www.facebook.com/HUC1959
 - www.facebook.com/daotaohuc
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02438511.971 (máy lẻ 102, 103, 104)
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5411/Ba-cong-khai>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
1	Pháp luật	Đại học				
1.1	Luật	Đại học	90	108	75	
2	Nhân văn	Đại học				
2.1	Sáng tác văn học	Đại học	0	0	0	
2.2	Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam	Đại học	80	35	16	
2.3	Ngôn ngữ Anh	Đại học	50	140	83	
2.4	Văn hoá học	Đại học	140	117	56	
2.5	Quản lý văn hoá	Đại học	330	320	128	

3	Báo chí và thông tin	Đại học				
3.1	Báo chí	Đại học	90	85	46	
3.2	Thông tin - thư viện	Đại học	50	26	15	
3.3	Quản lý thông tin	Đại học	50	61	21	
3.4	Bảo tàng học	Đại học	50	37	16	
3.5	Kinh doanh xuất bản phẩm	Đại học	100	99	37	
4	Du lịch, khách sạn	Đại học				
4.1	Du lịch	Đại học	390	369	217	
4.2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đại học	100	100	66	
	Tổng		1550	1517	781	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy năm 2021 và năm 2022

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5333/Tuyen-sinh>

8.1. Phương thức tuyển sinh năm 2021 và năm 2022

- Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT Quốc gia.
- Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Xét tuyển kết hợp kết quả học bạ THPT với quy định của trường
- Xét tuyển kết hợp kết quả học bạ THPT với thi năng khiếu.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn							
1.1	Ngành Du lịch		420	404		420	366	
	- Chuyên ngành Văn hoá du lịch							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			26.20			26.00
		Học bạ THPT			22.75			27.50
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			25.20			25.00
		Học bạ THPT			21.75			26.50
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			25.20			25.00
	- Chuyên ngành Lữ hành - Hướng dẫn du lịch							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			26.70			27.00
		Học bạ THPT			25.50			28.50
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			25.70			26.00
		Học bạ THPT			24.50			27.50
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			25.70			26.00
	- Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế (Thang điểm 40)							
	Tổ hợp 1: D01	Điểm thi THPT			32.40			31.85
		Học bạ THPT			29.00			34.25
	Tổ hợp 2: D78	Điểm thi THPT			32.40			31.85

	Tổ hợp 3: D96	Điểm thi THPT			32.40			31.85
	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		150	125		150	178	
1.2	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			27.30			27.50
		Học bạ THPT			28.75			30.50
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			26.30			26.50
		Học bạ THPT			27.75			29.50
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			26.30			26.50
2. Lĩnh vực pháp luật								
2.1	Ngành Luật		80	100		65	61	
	Tổ hợp: C00	Điểm thi THPT			26.60			27.50
		Học bạ THPT			26.75			30.50
	Tổ hợp: D01	Điểm thi THPT			25.60			26.50
		Học bạ THPT			25.75			29.50
	Tổ hợp: D96	Điểm thi THPT			25.60			26.50
3. Lĩnh vực nhân văn								
3.1	Ngành Sáng tác văn học							
	Tổ hợp: N00	Học bạ THPT kết hợp thi năng khiếu	15	4	22.25	15	9	19.50
3.2	Ngành Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam		65	52		65	45	
	- Chuyên ngành Tổ chức và QL VH vùng DTTS							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			16.00			23.45
		Học bạ THPT			21.00			22.00
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			15.00			22.45
		Học bạ THPT			20.00			21.00
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			15.00			22.45
	- Chuyên ngành Tổ chức và QL Du lịch vùng DTTS							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			17.00			23.45
		Học bạ THPT			21.00			22.00
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			16.00			22.45
		Học bạ THPT			20.00			21.00
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			16.00			22.45
3.3	Ngành Ngôn ngữ Anh		80	94	Thang điểm 40	80	77	
	Tổ hợp 1: D01	Điểm thi THPT			35.10			33.18
		Học bạ THPT			34.75			37.00
	Tổ hợp 2: D78	Điểm thi THPT			35.10			33.18
	Tổ hợp 3: D96	Điểm thi THPT			35.10			33.18
3.4	Ngành Văn hoá học		150	182		150	150	
	- Chuyên ngành Nghiên cứu văn hoá							
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			25.10			25.20
		Học bạ THPT			23.00			26.00
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			24.10			24.20

		Học bạ THPT			22.00		25.00
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			24.10		24.20
	- Chuyên ngành Văn hoá truyền thông						
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			26.50		27.00
		Học bạ THPT			27.00		30.00
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			25.50		26.00
		Học bạ THPT			26.00		29.00
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			25.50		26.00
	- Chuyên ngành Văn hoá đối ngoại						
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			26.00		26.50
		Học bạ THPT			26.00		28.50
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			25.00		25.50
		Học bạ THPT			25.00		27.50
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			25.00		25.50
3.5	Ngành Quản lý văn hoá		310	320		300	304
	- Chuyên ngành Chính sách văn hoá và QLNT						
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			24.10		24.25
		Học bạ THPT			20.00		25.00
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			23.10		23.25
		Học bạ THPT			19.00		24.00
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			23.10		23.25
	- Chuyên ngành Quản lý di sản văn hoá						
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			23.00		24.50
		Học bạ THPT			21.00		25.00
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			22.00		23.50
		Học bạ THPT			20.00		24.00
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			22.00		23.50
	- Chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật (Thang điểm 40)						
	Tổ hợp 1: N00	Học bạ THPT kết hợp thi năng khiếu			32.00		28.40
	- Chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hoá						
	Tổ hợp 1: N05	Học bạ THPT kết hợp thi năng khiếu			25.00		22.50
	Tổ hợp 2: C00	Điểm thi THPT			26.30		26.75
		Học bạ THPT			26.00		29.25
	Tổ hợp 3: D01	Điểm thi THPT			26.30		25.75
		Học bạ THPT			26.00		28.25
4.	Lĩnh vực Báo chí và thông tin						
4.1	Ngành Báo chí		70	88		80	84
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			26.60		27.50
		Học bạ THPT			26.75		30.50
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			25.60		26.50
		Học bạ THPT			25.75		29.50
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			25.60		26.50

4.2	Ngành Thông tin – Thư viện		45	47		45	33	
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			20.00			24.00
		Học bạ THPT			21.00			24.00
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			19.00			23.00
		Học bạ THPT			20.00			23.00
	Tổ hợp 3: D96	Điểm thi THPT			19.00			23.00
4.3	Ngành Quản lý thông tin		55	71		55	59	
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			26.00			26.75
		Học bạ THPT			24.75			26.50
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			25.00			25.75
		Học bạ THPT			23.75			25.50
	Tổ hợp 3: A16	Điểm thi THPT			25.00			25.75
4.4	Ngành Bảo tàng học		40	25		40	37	
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			17.00			22.75
		Học bạ THPT			21.00			23.00
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			16.00			21.75
		Học bạ THPT			20.00			22.00
	Tổ hợp 3: D78	Điểm thi THPT			16.00			21.75
4.5	Ngành Kinh doanh xuất bản phẩm		70	70		70	67	
	Tổ hợp 1: C00	Điểm thi THPT			20.00			24.25
		Học bạ THPT			21.00			25.00
	Tổ hợp 2: D01	Điểm thi THPT			19.00			23.25
		Học bạ THPT			20.00			24.00
	Tổ hợp 4: A00	Điểm thi THPT			19.00			23.25
		Học bạ THPT			20.00			24.00
	Tổng		1550	1582		1535	1470	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5396/Cac-chuong-trinh-hoc>

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	1906/QĐ-BGDĐT	29/05/2017	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2017
2	Bảo tàng học	7320305	5459/QĐ-BGDĐT	24/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	1978
3	Sáng tác văn học	7220110	5459/QĐ-BGDĐT	24/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	1980

4	Văn hoá học	7229040	3013/QĐ-BGDĐT	17/04/2009	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2009
5	Thông tin - thư viện	7320201	5459/QĐ-BGDĐT	24/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	1978
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	1906/QĐ-BGDĐT	29/05/2017	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2017
7	Du lịch	7810101	5459/QĐ-BGDĐT	24/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	1991
8	Báo chí	7320101	1345/QĐ-BGDĐT	26/04/2016	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2016
9	Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam	7220112	211/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	14/01/2004	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2004
10	Kinh doanh xuất bản phẩm	7320402	5459/QĐ-BGDĐT	24/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	1978
11	Luật	7380101	1345/QĐ-BGDĐT	26/04/2016	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2016
12	Quản lý văn hoá	7229042	2963/QĐ-BGD&ĐT	31/05/2005	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2005
13	Quản lý thông tin	7320205	5459/QĐ-BGDĐT	25/11/2010	839/QĐ-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	2011

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5411/Ba-cong-khai>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5333/Tuyen-sinh>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5333/Tuyen-sinh>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh chính quy đại học

1.1. Đối tượng, điều kiện tại thời điểm xét tuyển.

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào theo Quy định của từng phương thức xét tuyển, có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ xét tuyển theo Quy định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Năm 2023, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội sẽ tuyển sinh theo 04 phương thức:

- Xét tuyển thẳng theo Quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) – Mã phương thức xét tuyển: 301;

- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2023 – Mã phương thức xét tuyển: 100;

- Xét tuyển kết hợp kết quả học bạ THPT với quy định của Trường – Mã phương thức xét tuyển: 500;

- Xét tuyển kết hợp kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu – Mã phương thức xét tuyển: 406

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Tổng chỉ tiêu xét tuyển năm 2023 là 1550. Nhà trường phân bổ chỉ tiêu theo các phương thức như sau:

- Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023: 70% chỉ tiêu

- Các phương thức khác: 30% chỉ tiêu

(Trong trường hợp xét tuyển theo từng phương thức xét tuyển trước chưa đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo các phương thức xét tuyển sau).

TT	Mã ngành/ chuyên ngành xét tuyển	Tên ngành/ chuyên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Các tổ hợp xét tuyển
1	7810101	Du lịch				
1.1	7810101A	- CN: Văn hoá du lịch	100	Xét KQ thi THPT	170	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
1.2	7810101B	- CN: Lễ hành, hướng dẫn du lịch	100	Xét KQ thi THPT	110	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
1.3	7810101C	- CN: Hướng dẫn du lịch quốc tế	100	Xét KQ thi THPT	110	D01, D78, D96
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		D01

2	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	Xét KQ thi THPT	180	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
3	7380101	Luật	100	Xét KQ thi THPT	70	C00, D01, D96
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
4	7220110	Sáng tác văn học	406	Xét tuyển kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu	15	N00
5	7220112	Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam				
5.1	7220112A	- CN: Tổ chức và QLVH vùng DTTS	100	Xét KQ thi THPT	30	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
5.2	7220112B	- CN: Tổ chức và QL Du lịch vùng DTTS	100	Xét KQ thi THPT	35	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
6	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét KQ thi THPT	80	D01, D78, D96
			500	Xét kết hợp KQ học tập THPT với quy định của Trường		D01
7	7229040	Văn hoá học				
7.1	7229040A	- CN: Nghiên cứu văn hoá	100	Xét KQ thi THPT	40	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
7.2	7229040B	- CN: Văn hoá truyền thông	100	Xét KQ thi THPT	70	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
7.3	7229040C	- CN: Văn hoá đối ngoại	100	Xét KQ thi THPT	40	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
8	7229042	Quản lý văn hoá				
8.1	7229042A	- CN: Chính sách văn hoá và quản lý nghệ thuật	100	Xét KQ thi THPT	165	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
8.2	7229042C	- CN: Quản lý di sản văn hoá	100	Xét KQ thi THPT	50	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
8.3	7229042D	- CN: Biểu diễn nghệ thuật	406	Xét tuyển kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu	35	N00

8.4	7229042E	- CN: Tổ chức sự kiện văn hoá	100	Xét KQ thi THPT	60	C00, D01
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
			406	Xét tuyển kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu		N05
9	7320101	Báo chí	100	Xét KQ thi THPT	80	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
10	7320201	Thông tin - Thư viện	100	Xét KQ thi THPT	45	C00, D01, D96
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
11	7320205	Quản lý thông tin	100	Xét KQ thi THPT	55	C00, D01, A16
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
12	7320305	Bảo tàng học	100	Xét KQ thi THPT	40	C00, D01, D78
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01
13	7320402	Kinh doanh xuất bản phẩm	100	Xét KQ thi THPT	70	C00, D01, A00
			500	Xét kết quả học bạ THPT với quy định của Trường		C00, D01

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.5.1. Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

Thí sinh có kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2023, tổ hợp thi và đăng ký xét tuyển vào Trường đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (Trường sẽ công bố sau khi có kết quả thi THPT) và không có môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1.0 điểm trở xuống.

1.5.2. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với quy định của Trường

Thí sinh được quyền đăng ký xét tuyển vào tất cả các ngành, chuyên ngành học (trừ các ngành/ chuyên ngành thi năng khiếu) của Trường khi đủ điều kiện dưới đây:

- Điểm trung bình cộng từng môn (lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12) trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 6.0 trở lên.

1.5.3. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu

Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành, chuyên ngành có tổ hợp năng khiếu N00, N05 (Ngành Sáng tác văn học; chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật, chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hóa thuộc ngành Quản lý văn hóa) và đủ điều kiện dưới đây:

- Điểm trung bình cộng môn Ngữ văn (lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12) phải đạt từ 5.0 trở lên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.6.1. Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

1.6.1.1. Mã phương thức xét tuyển: 100

1.6.1.2. Tổ hợp xét tuyển:

- C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.
- D01: Toán học, Ngữ văn, Tiếng Anh.
- D78: Ngữ văn, KHXH, Tiếng Anh.
- D96: Toán học, KHXH, Tiếng Anh.
- A00: Toán học, Vật lý, Hoá học.
- A16: Toán học, KHTN, Tiếng Anh.

1.6.1.3. Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp

- Mức chênh lệch: Tổ hợp C00 cao hơn các tổ hợp khác 01 điểm, đối với tất cả các ngành trừ ngành Quản lý thông tin, tổ hợp C00 cao hơn các tổ hợp khác 02 điểm.

1.6.1.4. Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- **Ngành Du lịch (chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế) và Ngành Ngôn ngữ Anh:** môn Tiếng Anh phải đạt điều kiện từ 6.0 điểm trở lên trong kỳ thi THPT Quốc gia năm 2023.

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Nhà trường sử dụng tiêu chí phụ lần lượt là thứ tự nguyện vọng và môn chính trong tổ hợp đăng ký xét tuyển có điểm cao hơn để xét chọn những thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn. Tổ hợp C00 ưu tiên môn Ngữ văn; Tổ hợp D01, D78, D96, A16 ưu tiên môn tiếng Anh; Tổ hợp A00 ưu tiên môn Toán.

1.6.1.5. Thang điểm xét tuyển

- **Ngành Ngôn ngữ Anh và chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế thuộc ngành Du lịch:** Môn Tiếng Anh trong các tổ hợp xét tuyển nhân hệ số 2 và xét tuyển theo thang điểm 40.

- Các ngành, chuyên ngành còn lại: Môn thi trong các tổ hợp nhân hệ số 1 và xét tuyển theo thang điểm 30.

1.6.2. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với quy định của Trường

1.6.2.1. Mã phương thức xét tuyển: 500

1.6.2.2. Tổ hợp xét tuyển

- C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.
- D01: Toán học, Ngữ văn, Tiếng Anh.
- A00: Toán học, Vật lý, Hoá học.

1.6.2.3. Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp

- Mức chênh điểm: Tổ hợp C00 cao hơn các tổ hợp khác 01 điểm đối với tất cả các ngành (trừ ngành Quản lý thông tin, tổ hợp C00 cao hơn các tổ hợp khác 02 điểm).

1.6.2.4. Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, điểm ưu tiên áp dụng với các đối tượng 01, 03 và 04 (đối tượng theo quy định của Trường) khi thí sinh đạt giải học sinh giỏi môn Tiếng Anh hoặc là học sinh chuyên Anh.

1.6.2.5. Thang điểm xét tuyển

- Ngành Ngôn ngữ Anh và chuyên ngành Hướng dẫn du lịch quốc tế thuộc ngành Du lịch: Môn Tiếng Anh trong các tổ hợp xét tuyển nhân hệ số 2 và xét tuyển theo thang điểm 40.

- Các ngành, chuyên ngành còn lại: Môn thi trong các tổ hợp nhân hệ số 1 và xét tuyển theo thang điểm 30.

1.6.3. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu

1.6.3.1. Mã phương thức xét tuyển: 406

1.6.3.2. Tổ hợp xét tuyển

- N00 (Biểu diễn nghệ thuật): Ngữ văn, Năng khiếu 1 (Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa), Năng khiếu 2 (Thẩm âm, Tiết tấu).

- N00 (Sáng tác văn học): Ngữ văn, Năng khiếu 1 (Sáng tác tác phẩm), Năng khiếu 2 (Phỏng vấn).

- N05 (Tổ chức sự kiện văn hoá): Ngữ văn, Năng khiếu 1 (Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa, Tiểu phẩm sân khấu), Năng khiếu 2 (Xây dựng kịch bản sự kiện).

1.6.3.3. Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Đối với chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật thuộc ngành Quản lý văn hoá: Môn Năng khiếu 1 trong tổ hợp xét tuyển N00 phải đạt từ 7.0 điểm trở lên (khi chưa nhân hệ số 2).

1.6.3.4. Thang điểm xét tuyển

- Chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật thuộc ngành Quản lý văn hoá: Môn Năng khiếu 1 trong tổ hợp xét tuyển N00 nhân hệ số 2 và xét theo thang điểm 40.

- Các ngành, chuyên ngành còn lại: Môn thi trong các tổ hợp nhân hệ số 1 và xét tuyển theo thang điểm 30.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

1.7.1. Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

1.7.1.1. Nguyên tắc xét tuyển, đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Theo Quy chế Tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.7.1.2. Thời gian đăng ký xét tuyển:

Theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

1.7.2. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với quy định của Trường

1.7.2.1. Nguyên tắc xét tuyển và yêu cầu đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành khác nhau không hạn chế số lượng theo mẫu quy định của Trường, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận đủ điều kiện trúng tuyển nguyện vọng cao nhất.

Thí sinh đã đăng ký xét tuyển theo phương thức xét học bạ kết hợp và nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển **phải thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống** (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

*** Lưu ý: Thí sinh nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển bắt buộc phải đăng ký trên hệ thống của Bộ và nên ưu tiên nguyện vọng đã đủ điều kiện trúng tuyển lên nguyện vọng cao nhất (nguyện vọng 1). Nếu thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhưng không đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Bộ GD & ĐT thì coi như từ chối xét tuyển.**

1.7.2.1.1. Cách tính điểm xét tuyển

ĐXT = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + ĐUT (nếu có)

- Điểm môn 1 = ĐTB môn 1 (lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 – TB 5 học kỳ)

- Điểm môn 2 = ĐTB môn 2 (lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 – TB 5 học kỳ)

- Điểm môn 3 = ĐTB môn 3 (lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 – TB 5 học kỳ)

Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình 05 học kỳ; ĐUT:

Điểm ưu tiên (nếu có) được quy định tại mục 1.7.2.1.2; Điểm 03 môn tính theo các tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký và lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển.

1.7.2.1.2. Quy định điểm ưu tiên

Đối tượng ưu tiên tuyển sinh, khu vực tuyển sinh.

Thí sinh được hưởng ưu tiên theo chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được Quy định tại Điều 7 - Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành.

Đối tượng ưu tiên đối với phương thức xét kết hợp kết quả học tập cấp THPT với quy định của Trường

Bảng quy đổi điểm ưu tiên đối với từng đối tượng cụ thể:

Đối tượng	Điều kiện	Điểm ưu tiên quy đổi
Đối tượng 01: Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (Giải khuyến khích trở lên) với điều kiện môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển và Chứng nhận đạt giải còn	Giải nhất	10.00
	Giải nhì	9.00
	Giải ba	8.00
	Giải khuyến khích	7.00

trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.		
Đối tượng 02: Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.0 trở lên hoặc tương đương (Cụ thể: TOEFL ITP từ 513 trở lên, TOEFL IBT từ 65 trở lên) và Chứng chỉ còn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày dự thi.	IELTS: 8.0 - 9.0 TOEFL ITP: 650 - 677 TOEFL IBT: 110 - 120	10.00
	IELTS: 7.5 TOEFL ITP: 610 - 649 TOEFL IBT: 102 - 109	9.00
	IELTS: 7.0 TOEFL ITP: 590 - 607 TOEFL IBT: 94 - 101	8.00
	IELTS: 6.5 TOEFL ITP: 571 - 589 TOEFL IBT: 79 - 93	7.00
	IELTS: 6.0 TOEFL ITP: 550 - 568 TOEFL IBT: 60 - 78	6.00
	IELTS: 5.5 TOEFL ITP: 500 - 549 TOEFL IBT: 46 - 59	5.00
	IELTS: 5.0 TOEFL ITP: 477 - 499 TOEFL IBT: 35 - 45	4.00
Đối tượng 03: Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố (Giải Ba trở lên) với điều kiện môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển; Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp và Điểm học lực THPT 03 năm liên tiếp đạt từ Khá trở lên.	Giải nhất	5.00
	Giải nhì	4.00
	Giải ba	3.00
Đối tượng 04: Thí sinh là học sinh các trường chuyên trên toàn quốc với điều kiện môn học chuyên có trong tổ hợp xét tuyển và Điểm học lực THPT 03 năm liên tiếp đạt loại Khá trở lên.		4.00
Đối tượng 05 (Chỉ áp dụng khi xét tuyển vào ngành Báo chí): Thí sinh có tối thiểu 03 tác phẩm thuộc loại hình báo in thuộc một trong các thể loại: Tin sâu, Bài phản ánh, Bình luận, Ký/tản văn (có xác nhận của toà soạn) và điểm học lực THPT 03 năm liên tiếp đạt loại Giỏi trở lên.		5.00

Lưu ý đối với đối tượng ưu tiên theo quy định của Trường:

- Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh, điểm ưu tiên áp dụng với các đối tượng 01, 03 và 04 khi thí sinh đạt giải học sinh giỏi môn Tiếng Anh hoặc là học sinh chuyên Anh.

- Thí sinh chỉ được hưởng 01 ưu tiên cao nhất.

1.7.2.2. Thời gian nộp hồ sơ: Từ 25/04/2023 đến 08/06/2023

1.7.2.3. Danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển

h

- (1) Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường);
- (2) Bản photocopy chứng minh thư nhân dân;
- (3) Bản photo công chứng học bạ THPT;
- (4) Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT đối với những thí sinh tốt nghiệp năm 2022 trở về trước;
- (5) Đối với thí sinh hưởng đối tượng ưu tiên bắt buộc phải có minh chứng (photo công chứng).

1.7.2.4. Phương thức nộp hồ sơ

Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức nộp sau:

- Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Văn hoá Hà Nội
- Gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, số 418 Đường La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội (Trước ngày 08/06/2023).

1.7.3. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu

1.7.3.1. Nguyên tắc xét tuyển và yêu cầu đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành/ chuyên ngành nghề thuật phải dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Văn hoá Hà Nội và đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào ngành, chuyên ngành có tổ hợp năng khiếu (N00, N05), không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận đủ điều kiện trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

Thí sinh đã đăng ký xét tuyển theo phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu và nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển phải thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

*** Lưu ý: Thí sinh nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển bắt buộc phải đăng ký trên hệ thống của Bộ và nên ưu tiên nguyện vọng đủ đủ điều kiện trúng tuyển lên nguyện vọng cao nhất (nguyện vọng 1). Nếu thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhưng không đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Bộ GD & ĐT thì coi như từ chối xét tuyển.**

1.7.3.1.1. Cách tính điểm xét tuyển

ĐXT = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + ĐUT (nếu có)

- Điểm môn 1 = Điểm thi môn Năng khiếu 1
- Điểm môn 2 = Điểm thi môn Năng khiếu 2
- Điểm môn 3 = ĐTB môn Ngữ Văn (lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 – TB 5 học kỳ)

Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình 05 học kỳ; Điểm 03 môn tính theo các tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký; ĐUT: Điểm ưu tiên (nếu

có) quy định tại mục 1.7.3.1.2; Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển

1.7.3.1.2. Quy định điểm ưu tiên

Đối tượng ưu tiên tuyển sinh, khu vực tuyển sinh.

Thí sinh được hưởng ưu tiên theo chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được Quy định tại Điều 7 - Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành.

Đối tượng ưu tiên đối với phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu

Bảng quy đổi điểm ưu tiên đối với từng đối tượng cụ thể:

***Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Quản lý văn hoá, chuyên ngành**

Biểu diễn nghệ thuật, Tổ chức sự kiện văn hoá

Đối tượng	Điều kiện	Điểm ưu tiên quy đổi
Đối tượng 01: Thí sinh có năng khiếu nghệ thuật đạt giải cá nhân chính thức (Giải Ba trở lên) trong các cuộc thi nghệ thuật cấp Tỉnh, Thành phố trở lên; Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.	Giải Nhất	5.00
	Giải Nhì	4.00
	Giải Ba	3.00
Đối tượng 02: Thí sinh đã tốt nghiệp các trường Trung cấp hoặc Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật thuộc các ngành về ca, múa, nhạc đạt loại Khá trở lên.		6.00
Đối tượng 03: Thí sinh có năng khiếu nghệ thuật thi đỗ vào vòng chung kết xếp hạng các cuộc thi tìm kiếm tài năng nghệ thuật do các đài truyền hình, đài phát thanh các tỉnh, thành phố và Trung ương tổ chức và đạt giải; Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.	Giải Nhất	5.00
	Giải Nhì	4.00
	Giải Ba	3.00

***Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Sáng tác văn học**

Loại đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên quy đổi
Đạt một trong các điều kiện sau: + Đạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố môn Ngữ văn. + Đạt giải trong các cuộc thi sáng tác văn học của các Hội Văn học nghệ thuật, các tạp chí địa phương; các cuộc vận động sáng tác của ban, ngành, đoàn thể, tổ chức cơ quan báo chí truyền thông của trung ương; Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.	7.00
Đạt một trong các điều kiện sau: + Đạt giải Ba, Khuyến khích trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố môn Ngữ văn; Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp. + Có tác phẩm đã đăng tải trên các báo, tạp chí chuyên ngành về văn học nghệ thuật và được Hội đồng tuyển sinh Trường đánh giá đạt chất	5.00

lượng tốt.

+ Có tác phẩm văn học đã xuất bản được Hội đồng tuyển sinh Trường đánh giá có chất lượng tốt hoặc có triển vọng.

Lưu ý đối với đối tượng ưu tiên theo quy định của Trường:

- Thí sinh chỉ được hưởng 01 ưu tiên cao nhất.

1.7.3.2. Thời gian nộp hồ sơ: Từ 25/04/2023 đến 08/06/2023

1.7.3.3. Danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển

(1) Phiếu đăng ký dự thi và xét tuyển (theo mẫu của Trường);

(2) Bản photocopy chứng minh thư nhân dân;

(3) Bản photo công chứng học bạ THPT;

(4) Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT đối với những thí sinh tốt nghiệp năm 2022 trở về trước;

(5) Đối với thí sinh ngành Sáng tác văn học: Tác phẩm dự tuyển (tối thiểu 01 tác phẩm) ứng với một trong các thể loại sau: Thơ; truyện ngắn, ký, tản văn, tùy bút; tiểu thuyết, trường ca, kịch; tiểu luận, nghiên cứu - phê bình văn học, dịch thuật văn học.

(6) Đối với thí sinh hưởng đối tượng ưu tiên bắt buộc phải có minh chứng (photo công chứng).

1.7.3.4. Quy trình thi năng khiếu

Sau khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký dự thi, trường sẽ tổ chức thi tuyển các môn năng khiếu. Kết quả của các môn thi năng khiếu sẽ kết hợp với điểm trung bình cộng môn Ngữ Văn (lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 – TB 5 học kỳ) để xét tuyển theo ngành, chuyên ngành thí sinh đã đăng ký.

1.7.3.4.1. Ngành Quản lý văn hóa

- Thời gian dự kiến thi năng khiếu: ngày 03/07 – 05/07/2023.

*** Chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật:**

Tổ hợp N00 (Ngữ văn-Năng khiếu 1-Năng khiếu 2)

+ Môn Năng khiếu 1: Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa,

+ Môn Năng khiếu 2: Thảm âm, tiết tấu.

*** Chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hóa:**

Tổ hợp N05 (Ngữ văn-Năng khiếu 1-Năng khiếu 2):

+ Môn Năng khiếu 1: Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa, Tiểu phẩm sân khấu.

+ Môn Năng khiếu 2: Xây dựng kịch bản sự kiện.

1.7.3.4.2. Ngành Sáng tác văn học

- Thời gian dự kiến thi năng khiếu: ngày 03/07 – 05/07/2023.

+ Môn Năng khiếu 1: Sáng tác tác phẩm theo chủ đề thuộc một trong các thể loại trên trong thời gian 3 tiếng;

+ Môn Năng khiếu 2: Phỏng vấn trực tiếp về các tác phẩm đã nộp; quan niệm văn chương và những hiểu biết về đời sống văn học hiện nay.

1.7.3.5. Phương thức nộp hồ sơ

Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức nộp sau:

- Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Văn hoá Hà Nội
- Gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, số 418 Đường La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội (Trước ngày 08/06/2023).

1.7.4. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành

Theo Quy chế Tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành và Hướng dẫn xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.9.1. Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.9.2. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với quy định của Trường

Lệ phí: 30.000đ/ nguyên vọng

Đối với thí sinh không nộp trực tiếp tại Trường, thí sinh chuyển lệ phí qua số tài khoản Tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Số tài khoản: 21210000556765

Ngân hàng: Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Tây Hồ

Nội dung: Lệ phí xét tuyển + Số CMND

Sau đó, thí sinh gửi biên lai chuyển khoản kèm theo hồ sơ gửi qua chuyển phát nhanh.

1.9.3. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu

Lệ phí: 350.000đ/ ngành (chuyên ngành)

Đối với thí sinh không nộp trực tiếp tại Trường, Thí sinh chuyển lệ phí qua số tài khoản Tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Số tài khoản: 21210000556765

Ngân hàng: Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Tây Hồ

Nội dung: Lệ phí xét tuyển + Số CMND

Sau đó, thí sinh gửi biên lai chuyển khoản kèm theo hồ sơ gửi qua chuyển phát.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

Trường áp dụng học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, dự kiến năm học 2023-2024, học phí đối với sinh viên ĐHCQ là 286.000/01 tín chỉ.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.11.1. Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023, xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh năm 2023 (Mã phương thức xét tuyển: 100)

Theo Kế hoạch và Lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.11.2. Phương thức xét kết hợp kết quả học tập cấp THPT với quy định của Trường (Mã phương thức xét tuyển 500)

Thời gian nộp hồ sơ: Từ 25/04/2023 đến 08/06/2023

Thời gian công bố kết quả đủ điều kiện trúng tuyển: Từ 20/06 - 30/06/2023

Thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GD&ĐT: Từ 10/07 đến 17h ngày 30/07/2023

Thời gian xác nhận nguyện vọng và nộp lệ phí trên hệ thống của Bộ GD&ĐT: Theo Kế hoạch và Lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.11.3. Phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT với điểm thi năng khiếu (Mã phương thức xét tuyển 406)

Thời gian nộp hồ sơ: Từ 25/04/2023 đến 08/06/2023

Thời gian thi năng khiếu: Từ 03/07 – 05/07/2023.

Thời gian công bố kết quả đủ điều kiện trúng tuyển: Từ 05/07 - 07/07/2023

Thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GD&ĐT: Từ 10/07 đến 17h ngày 30/07/2023

Thời gian xác nhận nguyện vọng và nộp lệ phí trên hệ thống của Bộ GD&ĐT: Theo Kế hoạch và Lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.12. Các nội dung khác

LIÊN HỆ VÀ HỖ TRỢ TUYỂN SINH

(1) Website Trường: www.huc.edu.vn

(2) Trang Tuyển sinh của Trường: www.tuyensinh.huc.edu.vn

(3) Facebook Trường Đại học Văn hoá Hà Nội: www.facebook.com/huc1959

(4) Facebook Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT: www.facebook.com/daotaohuc

(5) Địa chỉ: Số 418 đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

(6) Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
		Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT	02438511971 Máy lẻ 103,104	tuyensinh@huc.edu.vn
1.	Nông Anh Nga	Phó Trưởng phòng ĐT, QLKH&HTQT	0327101209	ngana@huc.edu.vn

2.	Nguyễn Thị Hoài Vân	Chuyên viên phòng ĐT,QLKH&HTQT	0902171666	vanntth@huc.edu.vn
3.	Trần Quốc Hưng	Chuyên viên phòng ĐT,QLKH&HTQT	0898989420	hungtq@huc.edu.vn
4.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Phụ trách tư vấn tuyển sinh năng khiếu	0948933938	binhntt.vhh@huc.edu.vn
5.	Trần Chiêu Phụng	Chuyên viên phòng Công tác sinh viên	0362877042	phungtc@huc.edu.vn

1.13. Tài chính:

1.13.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 50.815.294.449đ

1.13.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 5.978.124đ/ 1 sinh viên/1 năm

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://huc.edu.vn/c/5379/Tuyen-sinh-Vua-lam-vua-hoc>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Cán bộ kê khai

Họ tên: Trần Quốc Hưng

Email: hungtq@huc.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS. Phạm Thị Thu Hương